

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG
TRƯỜNG MẦM NON CAO THẮNG

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

NĂM HỌC 2024 - 2025

Độ tuổi: 4 - 5 tuổi

Cơ sở giáo dục mầm non: Trường Mầm non Cao Thắng

Thành phố Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

Hạ Long, Tháng 08 năm 2024

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI: 4 – 5 TUỔI

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG (CÁC VĂN BẢN)

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non

Căn cứ Quyết định số 2324/UBND, ngày 09 tháng 8 năm 2024 của UBND thành phố Hạ Long về việc ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hạ Long; Căn cứ nhiệm vụ năm học và tình hình thực tế công tác Nuôi dưỡng, Chăm sóc, Giáo dục trẻ. Trường Mầm non Cao Thắng xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 cụ thể như sau:

II. MỤC TIÊU CHUNG

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời.

1. Mục tiêu chăm sóc, nuôi dưỡng

* Chế độ sinh hoạt cho trẻ mẫu giáo

Thời gian	Hoạt động
80 - 90 phút	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
30 - 40 phút	Học

40 - 50 phút	Chơi, hoạt động ở các góc
30 - 40 phút	Chơi ngoài trời
60 - 70 phút	Ăn bữa chính
140 - 150 phút	Ngủ
20 - 30 phút	Ăn bữa phụ
70 - 80 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích
60 - 70 phút	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

*** Tổ chức ăn**

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.
- + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

*** Tổ chức ngủ**

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

*** Vệ sinh**

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

*** Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

2. Mục tiêu giáo dục

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 đến 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ, chuẩn bị cho trẻ vào học ở tiểu học.

(1) Phát triển thể chất

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.
- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.
- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động, vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.
- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.
- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe.
- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

(2) Phát triển nhận thức

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.
- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.
- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

(3) Phát triển ngôn ngữ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.
- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.
- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

(4) Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Có một số phẩm chất cá nhân như: mạnh dạn, tự tin, tự lực.
- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.
- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

(5) Phát triển thẩm mỹ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình;
- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.
- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ

Lĩnh vực	Mã hóa mục tiêu	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	PHÁT TRIỂN VẬN ĐỘNG		
	MT 1	<i>Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.</i> - Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 - 22,2 Kg. + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 Kg - Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7 - 119,2cm. + Trẻ gái: 99,9 - 118,9cm.	+ Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu khuyến nghị năng lượng của trẻ tại trường theo độ tuổi: 615 - 726 Kcal/ngày/trẻ (Chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày) + Chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong trường mầm non.
	MT 2	<i>- Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp theo hiệu lệnh (theo nhạc bài hát).</i>	+ Các động tác hô hấp. + Các động tác phát triển cơ tay và cơ bả vai. + Các động tác phát triển cơ lưng, bụng, lườn.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT			+ Các động tác phát triển cơ chân.
	MT 3	- Trẻ thực hiện bật xa bằng 2 chân, chạm đất và giữ được thăng bằng theo yêu cầu, kĩ năng bài tập.	+ Một số bài tập thực hiện vận động bật xa bằng 2 chân.
	MT 4	- Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 30 - 35 cm;	+ Bài tập: Bật nhảy từ trên cao xuống.
	MT 5	- Trẻ có thể nhảy lò cò 3m theo yêu cầu.	+ Bài tập: Nhảy lò cò 3m.
	MT 6	- Trẻ có thể bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn;	+ Một số vận động đi trên ghế thể dục hoặc đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.
	MT 7	- Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	+ Một số bài tập giữ thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.
	MT 8	- Trẻ có thể kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động đi/chạy theo đúng hiệu lệnh, đích dắc đổi hướng theo vật chuẩn;	+ Một số bài tập: Đi, chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu ,vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)
	MT 9	- Trẻ có thể chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10s.	+ Các bài tập chạy liên tục theo hướng thẳng 15m
	MT 10	- Trẻ thực hiện được vận động bò trong đường đích dắc (3 – 4 điểm, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	+ Một số bài tập bò trong đường đích dắc.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 11	- <i>Trẻ có thể trườn theo hướng thẳng.</i>	+ Một số vận động trườn theo hướng thẳng.
	MT 12	- <i>Trẻ thực hiện được động tác trèo, lên xuống thang ở độ cao 1,2m so với mặt đất.</i>	+ Một số bài tập trèo lên xuống thang.
	MT 13	- <i>Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động: Tung, đập, bắt bóng ...</i>	+ Các vận động phối hợp tay mắt trong tung, đập, bắt bóng.
	MT 14	- <i>Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động ném trúng đích đứng (xa 1,5m, cao 2m); ném trúng đích ngang (xa 2m).</i>	+ Một số vận động ném trúng đích đứng và trúng đích ngang.
	MT 15	- <i>Trẻ biết phối hợp các vận động cơ thể để chơi các trò chơi vận động, trò chơi dân gian.</i>	+ Các trò chơi vận động. + Các trò chơi dân gian.
	MT 16	- <i>Trẻ thực hiện được các vận động: Cuộn - Xoay tròn cổ tay; Gập, mở các ngón tay.</i>	+ Các cử động của bàn tay, ngón tay: Cuộn - Xoay tròn cổ tay; Gập, mở các ngón tay. + Các trò chơi dân gian.
	MT 17	- <i>Trẻ biết cách phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ hình người, nhà, cây; Cắt thành thạo theo đường thẳng; xây dựng, lắp ráp 10 - 12 khối</i>	+ Cách cầm bút. + Vẽ theo ý thích, theo yêu cầu. + Các bài tập cắt, xé theo đường thẳng. + Một số hoạt động xây dựng lắp ráp khối gỗ, xếp hình, xếp chồng, xếp cạnh.
	MT 18	- <i>Trẻ biết cách gập giấy, và biết tết sợi đôi dưới sự hướng dẫn và giúp đỡ của người lớn.</i>	+ Một số bài tập: Gập giấy; Tết sợi đôi.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	MT 19	- <i>Trẻ biết tự cài cúc, cởi cúc, buộc dây giày.</i>	+ Một số hoạt động rèn sự khéo léo của đôi bàn tay: cài cởi cúc, khâu buộc dây giày.
	GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
	MT 20	- <i>Trẻ nhận biết được 1 số thực phẩm cùng nhóm thông thường.</i>	+ Một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm: chất đạm, vitamin và muối khoáng...
	MT 21	- <i>Trẻ nói được tên 1 số món ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.</i>	+ Một số món ăn hàng ngày. + Cách chế biến món ăn đơn giản hàng ngày.
	MT 22	- <i>Trẻ biết ăn để cao lớn khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng..</i>	+ Các bữa ăn trong ngày của trẻ tại nhà trường, gia đình. + Ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất.
	MT 22A	- <i>Trẻ biết một số món ăn vặt, lành mạnh, món ăn mới</i>	+ Sữa tươi không đường và các chế phẩm từ sữa + Các sản phẩm ngũ cốc, nguyên hạt + Nước ép trái cây + Bánh quy giòn + Trái cây dầm sữa chua + Sa lát rau củ trái cây
	MT 23	- <i>Trẻ biết được sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</i>	+ Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. + Những loại thực phẩm không có lợi cho sức khỏe.
	MT 24	- <i>Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng.</i>	+ Thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Các đồ dùng cần thiết để rửa tay.
	MT 25	- <i>Trẻ biết lự lau mặt, đánh răng</i>	+ Rửa mặt đúng cách.

PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		<i>hàng ngày.</i>	+ Cách chải răng sạch. + Bé rửa mặt đánh răng khi nào?
	MT 26	<i>- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định</i>	+ Biện, khu vực đi vệ sinh ở lớp, ở nơi công cộng. + Kỹ năng đi vệ sinh đúng cách. + Cách sử dụng nhà vệ sinh.
	MT 27	<i>- Trẻ biết tự thay quần áo khi bị ướt , bẩn</i>	+ Cách thay quần áo. + Bé thay quần áo khi nào?
	MT 28	<i>- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng không rơi vãi, đổ thức ăn.</i>	+ Sử dụng bát, thìa, cốc ... đúng cách. + Tự cầm thìa, bát xúc ăn gọn gàng không rơi vãi
	MT 29	<i>- Trẻ thực hiện được một số hành vi tốt trong trong ăn uống .</i>	+ Một số lời mời trước khi ăn cơm. + Thói quen và kỹ năng mời.
	MT 30	<i>- Trẻ biết giữ gìn đầu tóc, quần áo gọn gàng.</i>	+ Cách bé giữ gìn đầu tóc, quần áo.
	MT 31	<i>- Trẻ có một số hành vi tốt trong phòng bệnh khi được nhắc nhở: Đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh, nói với người lớn khi bị ốm...</i>	+ Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. + Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. + Một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.
	MT 32	<i>- Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm: Phích nước, ổ điện, bàn là nóng ...</i>	+ Một số đồ vật gây nguy hiểm. + Cách phòng tránh.
	MT 33	<i>- Trẻ biết 1 số hành động gây</i>	+ Một số hành động nguy hiểm.

		<i>nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.</i>	+ Cách phòng tránh.
	MT 34	- <i>Trẻ nhận ra được những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm: cống rãnh, ao, hồ, bể chứa nước, giếng ...</i>	+ Một số nơi mất vệ sinh. + Một số khu vực có thể gây nguy hiểm.
	MT 35	- <i>Trẻ nhận ra 1 số trường hợp nguy hiểm, khẩn cấp và biết gọi người giúp đỡ.</i>	+ Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	KHÁM PHÁ KHOA HỌC		
	MT 36	- <i>Trẻ thích tìm hiểu các bộ phận cơ thể con người và chức năng của chúng.</i>	+ Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.
	MT 37	- <i>Trẻ biết cách phối hợp các giác quan để quan sát, khám phá về đồ dùng, đồ chơi.</i>	+ Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng của một số đồ dùng, đồ chơi (ở trường, lớp, gia đình).
	MT 38	- <i>Trẻ biết so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.</i>	+ Sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi.
	MT 39	- <i>Trẻ biết phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.</i>	+ Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.
	MT 40	- <i>Trẻ biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.</i>	+ Tên gọi, cấu tạo, đặc điểm nổi bật, công dụng, của một số PTGT (Đường sắt, đường bộ, đường thủy, đường hàng không) quen thuộc.
	MT 41	- <i>Trẻ biết phân loại một số PTGT theo 1 - 2 dấu hiệu.</i>	+ Phân loại phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu.
	MT 42	- <i>Trẻ biết đặc điểm, ích lợi, tác</i>	+ Đặc điểm, ích lợi, tác hại và cách chăm sóc các con

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		<i>hại và cách chăm sóc các con vật gần gũi.</i>	vật gần gũi.
	MT 43	<i>- Trẻ biết đặc điểm, ích lợi, tác hại và cách chăm sóc, bảo vệ: cây cối, hoa quả... quen thuộc.</i>	+ Đặc điểm, ích lợi, tác hại và cách chăm sóc, bảo vệ: cây cối, hoa quả... quen thuộc.
	MT 44	<i>- Trẻ biết so sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, 2 loại cây, hoa, quả...</i>	+ Sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật. + Sự khác nhau và giống nhau của 2 loại cây, hoa, quả...
	MT 45	<i>- Trẻ biết phân loại các con vật gần gũi, các loại cây, hoa, quả theo 1 hoặc 2 dấu hiệu nổi bật.</i>	+ Phân loại con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. + Phân loại cây, hoa quả. theo 1 - 2 dấu hiệu.
	MT 46	<i>- Trẻ nói được mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống.</i>	+ Sự thay đổi của cây cối, con vật trong quá trình phát triển. + Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống.
	MT 47	<i>- Trẻ biết sử dụng các cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.</i>	+ Các cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.
	MT 48	<i>- Trẻ biết một số hiện tượng thời tiết, các mùa trong năm.</i>	+ Tên các mùa trong năm, dấu hiệu đặc trưng của các mùa. + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
	MT 49	<i>- Trẻ biết về các hiện tượng ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.</i>	+ Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
	MT 50	<i>- Trẻ biết một số nguồn nước, ích</i>	+ Các nguồn nước trong môi trường sống.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		<i>lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây.</i>	+ Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. + Một số đặc điểm, tính chất của nước. + Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	MT 51	<i>- Trẻ biết không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây..</i>	+ Một số nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó trong sinh hoạt. + Không khí và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật, cây. + Cách sử dụng ánh sáng phù hợp.
	MT 52	<i>- Trẻ biết một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.</i>	+ Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
	MT 53	<i>- Trẻ thích quan tâm đến sự thay đổi rõ nét của các sự vật hiện tượng với sự hướng dẫn của cô giáo.</i>	+ Sự thay đổi rõ nét của các sự vật, hiện tượng.
	MT 54	<i>- Trẻ biết cách làm các thí nghiệm và sử dụng các công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán;</i>	+ Các thí nghiệm đơn giản: sự lan truyền âm thanh....
	MT 55	<i>- Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết của mình về đối tượng qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...</i>	+ Sự hiểu biết của trẻ về đối tượng qua các hoạt động.
	LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
	MT 56	<i>- Trẻ đếm được trên các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</i>	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	MT 57	- <i>Trẻ biết sử dụng các số từ 1 - 5 để chỉ số lượng, số thứ tự.</i>	+ Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. + Sử dụng các số từ 1 – 5 để chỉ số thứ tự.
	MT 58	- <i>Trẻ biết so sánh số lượng 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.</i>	+ Xếp tương ứng 1:1, ghép đôi. + So sánh về số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10. + Cách sử dụng các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
	MT 59	- <i>Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.</i>	+ Các cách gộp hai nhóm đối tượng, đếm, nói kết quả.
	MT 60	- <i>Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn.</i>	+ Các cách tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành các nhóm nhỏ hơn.
	MT 60A	- <i>Trẻ biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.</i>	+ Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
	MT 61	- <i>Trẻ biết so sánh kích thước của 2, 3 đối tượng.</i>	+ Các cách so sánh kích thước của 2,3 đối tượng.
	MT 62	- <i>Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.</i>	+ Các quy tắc sắp xếp và cách sắp xếp theo quy tắc.
	MT 63	- <i>Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo độ dài của 2 đối tượng, so sánh và nói kết quả đo.</i>	+ Các cách đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.
	MT 64	- <i>Trẻ biết sử dụng dụng cụ để đo dung tích của 2 đối tượng, so sánh và nói kết quả đo.</i>	+ Các cách đo dung tích bằng một đơn vị đo.
	MT 65	- <i>Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình</i>	+ Tên gọi, đặc điểm các hình. + Các hình trong môi trường xung quanh.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		<i>(tròn và tam giác; vuông và chữ nhật).</i>	
	MT 66	<i>- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.</i>	+ Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	MT 67	<i>- Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.</i>	+ Vị trí của của đồ vật so với bản thân trẻ và so với người khác.
	MT 68	<i>- Trẻ có thể mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.</i>	+ Thứ tự các buổi trong ngày. + Hoạt động, sinh hoạt của con người tương ứng với các buổi trong ngày.
	KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
	MT 69	<i>- Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</i>	+ Một số thông tin về bản thân: họ và tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.
	MT 70	<i>- Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</i>	+ Họ, tên và công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. + Một số nhu cầu của gia đình.
	MT 71	<i>- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện.</i>	+ Địa chỉ gia đình bé (số nhà, đường phố/thôn xóm).
	MT 72	<i>- Trẻ nói được tên, địa chỉ của trường lớp) khi được hỏi, trò chuyện.</i>	+ Tên trường, lớp. + Địa chỉ trường, lớp.
	MT 73	<i>- Trẻ nói được tên và công việc</i>	+ Tên và công việc của cô giáo.

PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		<i>của cô giáo các cô bác ở trường khi được hỏi, trò chuyện.</i>	+ Tên và công việc của các cô bác ở trường.
	MT 74	<i>- Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi.</i>	+ Tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp. + Các hoạt động của trẻ ở trường.
	MT 75	<i>- Trẻ biết kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi ... của một số nghề.</i>	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến. + Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề truyền thống của địa phương.
	MT 76	<i>- Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.</i>	+ Một số ngày hội, ngày lễ. + Các hoạt động. + Các hành vi văn minh khi tham gia lễ hội.
	MT 77	<i>- Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương</i>	+ Một số cảnh đẹp của thành phố Hạ Long. + Một số di tích lịch sử của Hạ Long, Quảng Ninh. + Sự kiện văn hóa của địa phương. + Một số di tích lịch sử đất nước.
	MT 78	<i>Trẻ biết tên một số tài nguyên, môi trường biển, hải đảo của Tỉnh Quảng Ninh và tên gọi biển đảo nổi tiếng Việt Nam.</i>	+ Một số vùng biển của Quảng Ninh: Biển Trà Cổ, Biển Hạ Long. + Ích lợi của biển, hải đảo. + Tham gia bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo. + Một số đảo nổi tiếng Việt Nam thông qua tên gọi: Quần đảo Hoàng Sa - TP. Đà Nẵng; Quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Đây là 2 quần đảo thuộc chủ quyền Việt Nam.
	MT 79	<i>- Trẻ biết một số quy định giao thông đơn giản.</i>	+ Một số quy định giao thông đường bộ + Một số biển báo.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	NGHE HIỂU LỜI NÓI		
	MT 80	- <i>Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp</i>	+ Nghe, hiểu lời nói và làm theo 2 - 3 yêu cầu trong giao tiếp hằng ngày.
	MT 81	- <i>Trẻ hiểu được nghĩa một số từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ..</i>	+ Nghe, hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng: đồ dùng/thực vật/động vật.... + Nghe, hiểu nghĩa của từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...
	MT 81A (MTPCT)	- <i>Trẻ nghe hiểu một số từ Tiếng Anh phù hợp với độ tuổi</i>	+ Nghe từ mới, câu đơn
	MT 82	- <i>Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.</i>	+ Nói, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. + Các bài hát, thơ, truyện, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè, phù hợp độ tuổi...
	SỬ DỤNG LỜI NÓI TRONG CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY		
	MT 83	- <i>Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.</i>	+ Cách nói, âm lượng nói phù hợp.
	MT 83A (MTPCT)	- <i>Trẻ nói được một số từ Tiếng Anh phù hợp với độ tuổi</i>	+ Nói rõ để người nghe hiểu được
	MT 84	- <i>Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</i>	+ Các từ chỉ sự vật + Các từ chỉ đặc điểm + Các từ chỉ hoạt động
	MT 85	- <i>Trẻ sử dụng được các câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.</i>	+ Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.

PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	MT 86	- <i>Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.</i>	+ Kỹ năng kể lại sự việc có nhiều tình tiết
	MT 87	- <i>Trẻ đọc thuộc một số bài thơ, ca dao, đồng dao.</i>	+ Một số bài thơ, ca dao, đồng dao. + Cách đọc thơ, đồng dao, ca dao.
	MT 88	- <i>Trẻ biết kể lại chuyện có mở đầu, kết thúc.</i>	+ Kỹ năng kể lại truyện đã được nghe.
	MT 89	- <i>Trẻ bắt chước được giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.</i>	+ Kỹ năng kể chuyện diễn cảm. + Kỹ năng đóng kịch.
	MT 90	- <i>Sử dụng được các từ như: “mời cô” “mời bạn” “xin phép” “thưa” “ạ” “vâng”...phù hợp với tình huống.</i>	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. + Cách sử dụng các từ như: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.
	MT 91	- <i>Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.</i>	+ Giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở
	LÀM QUEN VỚI VIỆC ĐỌC - VIẾT		
	MT 92	- <i>Trẻ biết chọn sách để xem.</i>	+ Các loại sách, truyện. + Cách xem, đọc, nghe các loại sách khác nhau. + Cách xếp, cất, bảo quản sách truyện.
	MT 93	- <i>Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.</i>	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh bằng lời nói và hành động.
	MT 94	+ <i>Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà VS, cấm lửa, nơi nguy hiểm...)</i>	+ Các kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, cấm hút thuốc.... + Những nơi thường có các kí hiệu
	MT 95	- <i>Trẻ biết sử dụng ký hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.</i>	+ Cách tạo ra kí hiệu. + Ý nghĩa của các kí hiệu.
	MT 96	- <i>Trẻ có biểu tượng ban đầu về ký hiệu/ chữ cái/ chữ viết.</i>	+ Nhận dạng một số chữ cái + Tập tô, đồ các nét chữ

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI	PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM		
	MT 97	- <i>Trẻ nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ.</i>	+ Tên, tuổi, giới tính. + Tên bố mẹ và một số thành viên trong gia đình.
	MT 98	- <i>Trẻ nói được điều bé thích và không thích, những việc gì bé có thể làm được</i>	+ Cách diễn tả điều bé thích và không thích, những việc bé làm được qua lời nói.
	MT 99	- <i>Trẻ biết tự chọn đồ chơi và trò chơi theo ý thích.</i>	+ Đồ chơi và trò chơi bé yêu thích. + Cách giữ gìn, bảo quản đồ chơi.
	MT 100	- <i>Trẻ cố gắng hoàn thành các công việc đơn giản được giao.</i>	+ Các công việc hàng ngày của bé. + Thái độ của bé với các công việc được giao.
	MT 101	- <i>Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.</i>	+ Những cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ.
	MT 102	- <i>Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.</i>	+ Các cách biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.
	MT 103	- <i>Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và lăng Bác Hồ.</i>	+ Hình ảnh Bác Hồ + Một số địa điểm gắn liền với hoạt động của Bác.
	MT 104	- <i>Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ.</i>	+ Cách bé thể hiện tình cảm dành cho Bác.
	MT 105	- <i>Trẻ yêu thích một vài cảnh đẹp, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước</i>	+ Tên gọi các lễ hội, địa điểm cảnh đẹp của quê hương đất nước. + Tình cảm của bé với di tích văn hóa, cảnh đẹp ...của địa phương, quê hương đất nước.

PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KỸ NĂNG XÃ HỘI	PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI		
	MT 106	- <i>Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, ở gia đình và ở nơi công cộng: cất đồ chơi, vâng lời bố mẹ...</i>	+ Các quy định ở lớp. + Các quy định ở gia đình. + Các quy định ở nơi công cộng.
	MT 107	- <i>Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.</i>	+ Lời nói và cử chỉ lễ phép.
	MT 108	- <i>Trẻ biết chú ý khi cô, bạn nói.</i>	+ Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	MT 109	- <i>Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</i>	+ Cách bé chờ đến lượt và cách hợp tác.
	MT 110	- <i>Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn bè để cùng thực hiện hoạt động chung.</i>	+ Cách bé tham gia vào các hoạt động tập thể.
	MT 111	- <i>Trẻ luôn thích được quan tâm, giúp đỡ bạn</i>	+ Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình. + Quan tâm, giúp đỡ bạn.
	MT 112	- <i>Trẻ có thể phân biệt được hành vi “đúng” - “sai”, “tốt - xấu”.</i>	+ Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt - xấu”.
	MT 113	- <i>Trẻ thích được chăm sóc cây, con vật thân thuộc.</i>	+ Sự quan tâm của bé với động vật, thiên nhiên.
	MT 114	- <i>Trẻ có ý thức tiết kiệm không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.</i>	+ Cách sử dụng tiết kiệm điện nước.
	MT 115	- <i>Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định; Không bẻ cành, bứt hoa.</i>	+ Khu vực quy định bỏ rác. + Hành vi bảo vệ môi trường.
	MT 116	- <i>Trẻ biết một số hoạt động phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu đơn giản như biết mặc ấm khi trời lạnh,</i>	+ Một số hoạt động phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu đơn giản như biết mặc ấm khi trời lạnh,

		<i>đổi khí hậu</i>	biết tìm nơi trú ẩn khi trời mưa hay gió lốc, trồng và bảo vệ cây... + Nghe dự báo thời tiết và ăn mặc phù hợp với thời tiết để bảo vệ sức khỏe.
	MT 117	<i>- Trẻ có một số hành vi ứng xử văn minh của người dân du lịch thành phố Hạ Long.</i>	+ Nụ cười Hạ Long + Các hành vi văn minh khi tham gia lễ hội + Các hoạt động bảo vệ môi trường.
PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	ÂM NHẠC		
	MT 118	<i>- Trẻ thể hiện sự vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc khi nghe các âm thanh gợi cảm..</i>	+ Một số cảm xúc khi nghe các âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi.
	MT 119	<i>- Trẻ chú ý nghe và thích thú hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.</i>	+ Các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). + Cách hưởng ứng khi nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, truyện kể.
	MT 120	<i>- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ..</i>	+ Các bài hát phù hợp với trẻ. + Kỹ năng hát của trẻ.
	MT 120A (MTPPTCT)	<i>- Trẻ làm quen với một số bài hát Tiếng Anh</i>	+ Hát đúng lời, giai điệu của bài hát + Hiểu nội dung bài hát
	MT 121	<i>- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay, vận động minh họa,..)</i>	+ Vận động theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết

PHÁT TRIỂN THẨM MỸ			tấu.
	MT 122	- <i>Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.</i>	+ Các hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. + Kỹ năng vận động theo giai điệu bài hát.
	MT 123	- <i>Trẻ biết lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.</i>	+ Một số dụng cụ âm nhạc. + Cách sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.
	MT 124	- <i>Trẻ biết cách chơi các trò chơi âm nhạc.</i>	+ Tham gia chơi các trò chơi âm nhạc theo sự hướng dẫn của cô.
	TẠO HÌNH		
	MT 125	- <i>Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng...của tác phẩm tạo hình.</i>	+ Thái độ, cảm xúc của trẻ khi ngắm nhìn các tác phẩm tạo hình.
	MT 126	- <i>Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý, theo ý thích.</i>	+ Các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. + Sử dụng các dụng cụ để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý, theo ý thích.
	MT 127	- <i>Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình) để tạo ra các sản phẩm khác nhau.</i>	+ Một số kỹ năng tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình) để tạo ra các sản phẩm khác nhau.
	MT 128	- <i>Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.</i>	+ Cách nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.
	MT 129	- <i>Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo</i>	+ Cách nói lên ý tưởng và khả năng sáng tạo của bản

		<i>ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.</i>	thân trẻ.
	MT 130	<i>- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.</i>	+ Cách đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

IV. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC

STT	TÊN CHỦ ĐỀ LỚN	SỐ TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	CÁC SỰ KIỆN LỚN
1	Trường mầm non	02	16/09/2024-> 27/09/2024	- Bé vui trung thu
2	Bản thân	03	30/09/2024 -> 18/10/2024	- Ngày Phụ nữ VN 20/10
3	Gia đình	04	21/10/2024 -> 15/11/2024	
4	Những nghề bé yêu	04	18/11/2024 -> 13/12/2024	- Ngày nhà giáo VN 20/11
5	Thế giới thực vật	04	16/12/2024 - > 10/01/2025	- Ngày thành lập Quân đội NDVN 22/12
6	Tết và mùa xuân	03	13/01/2025- > 14/02/2025	- Bé vui đón tết
Nghỉ tết 2 tuần: 27/01/2025 -> 08/02/202				
7	Thế giới động vật	04	17/02/2025- > 14/3/2025	- Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3
8	Phương tiện và quy định giao thông	03	17/3/2025-> 04/4/2025	
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	04	07/4/2025-> 02/5/2025	- Lễ hội du lịch Hạ Long

10	Quê hương - Đất nước - Bác Hồ	04	05/5/2025-> 30/5/2025	- Ngày sinh nhật Bác 19/5 - Tết thiếu nhi 1.6
Tổng	10 chủ đề	35 tuần	Tuần 1 bắt đầu 16/09/2024 Tuần 35 kết thúc vào 30/5/2025	

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Trường Mầm non Cao Thắng. Đề nghị tổ chuyên môn khối Mẫu giáo 4 - 5 tuổi căn cứ Kế hoạch để xây dựng Kế hoạch tại nhóm/lớp. Mọi vướng mắc cần trao đổi lại với BGH nhà trường để cùng thống nhất./.

PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH
T.M HỘI ĐỒNG NHÀ TRƯỜNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Đặng Thị Hoài Hương

Cao Thắng, ngày 23 tháng 08 năm 2024
TM. TỔ CHUYÊN MÔN
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Phương

